

Số: 10/2011/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách
năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BTC ngày 24/11/2010 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 191/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VII - kỳ họp thứ 21 về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2011, giai đoạn 2011 - 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 30/STC-NSNN ngày 10/01/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Căn cứ biểu chi tiết tỷ lệ phân chia nguồn thu đính kèm, giao UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa hướng dẫn tỷ lệ phân cấp nguồn thu cho các xã, thị trấn, phường thuộc địa phương quản lý.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm ngân sách 2011 và giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Cục trưởng Cục Hải quan Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
 - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Chánh - Phó Văn phòng;
 - Lưu: VT, KT.
- @DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Trần Minh Phúc



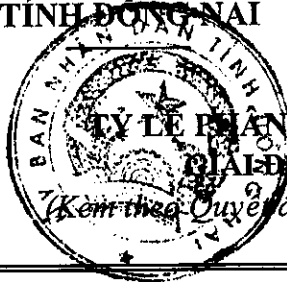
**PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH NĂM 2011 VÀ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CHO THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

(Kèm theo Quyết định số 10 /2011/QĐ-UBND ngày 19 /01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	TP	Xã
1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu.	100	100			
2	Thuế xuất - nhập khẩu và thu chênh lệch giá hàng xuất - nhập khẩu.	100	100			
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.	100	100			
4	Thuế giá trị gia tăng (trừ thu từ hàng nhập khẩu và thu từ XSKT), thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu từ các đơn vị HTTN và thu từ XSKT), thuế chuyên thu nhập, thu sử dụng vốn ngân sách (nếu có):					
a	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100	49	51		
b	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (Do Cục thuế quản lý thu)	100	49	51		
c	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (Do Chi cục thuế quản lý thu)	100	49	13	38	
*	Riêng uỷ nhiệm thu lĩnh vực DV NQD đã giao các đơn vị xã, phường quản lý thu nộp:					
c.1	Các phường, xã Quang Vinh, Quyết Thắng, Tân Mai, Bình Đa, Hóa An, Thanh Bình	100	49	13	8	30
c.2	Các phường, xã Trung Dũng, Bửu Hòa, Tam Phước, An Hòa, Hòa Bình, Tân Vạn, Tân Hạnh, Hiệp Hòa, Long Hưng	100	49	13	0	38
c.3	Các phường xã Bửu Hòa, Tân Phong, Thống Nhất, Tân Tiến, Trảng Dài, Tân Hiệp, Tam Hiệp, Tam Hòa, An Bình, Long Bình Tân, Long Bình, Hố Nai, Tân Biên, Tân Hòa Phước Tân	100	49	13	38	0
5	Thuế TTĐB thu từ dịch vụ, hàng hoá SX trong nước (trừ thu từ XSKT)					
a	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100	49	51		
b	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (Do Cục thuế quản lý thu)	100	49	51		
c	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (Do Chi cục thuế quản lý thu)	100	49	13	38	
-	Riêng các đơn vị xã, phường quản lý thu nộp qua uỷ nhiệm thu.	100	49	13		38
c.1	Các phường, xã Quang Vinh, Quyết Thắng, Tân Mai, Bình Đa, Hóa An, Thanh Bình	100	49	13	8	30
c.2	Các phường, xã Trung Dũng, Bửu Hòa, Tam Phước, An Hòa, Hòa Bình, Tân Vạn, Tân Hạnh, Hiệp Hòa, Long Hưng	100	49	13	0	38
c.3	Các phường xã Bửu Long, Tân Phong, Thống Nhất, Tân Tiến, Trảng Dài, Tân Hiệp, Tam Hiệp, Tam Hòa, An Bình, Long Bình Tân, Long Bình, Hố Nai, Tân Biên, Tân Hòa Phước Tân	100	49	13	38	0
6	Thuế thu nhập cá nhân:	100	49	51		
7	Tiền thu hồi vốn, thu nhập từ vốn góp của ngân sách:					
a	Thu từ vốn góp của ngân sách trung ương.	100	100			
b	Thu từ vốn góp của ngân sách địa phương.	100		100		

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	TP	Xã
8	Thu hoàn vốn, thanh lý tài sản, thu khác của doanh nghiệp nhà nước:					
a	Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	100	100			
b	Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	100		100		
9	Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (trừ thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân uỷ quyền cho Công ty xổ số kiến thiết thu nộp).	100		100		
10	Thuế tài nguyên:					
a	Tỉnh tổ chức thu.	100		100		
b	Thành phố tổ chức thu (theo địa bàn xã, phường).	100				100
11	Thuế môn bài:					
a	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100			100	
b	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (Do Cục thuế quản lý thu)	100			100	
c	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố (theo phường, xã):	100				100
12	Thuế Nhà, đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp:					
a	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100		100		
b	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn thành phố.	100			100	
c	Thu từ khu vực dân cư thuộc các xã phường trên địa bàn thành phố.	100				100
13	Thu phí, lệ phí (trừ phí xăng dầu, phí BV môi trường đối với nước thải, sinh hoạt, nước thải công nghiệp, lệ phí trước bạ)					
a	Do cơ quan, đơn vị trung ương tổ chức thu	100	100			
b	Do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu	100		100		
c	Do cơ quan, đơn vị thành phố tổ chức thu	100			100	
d	Do cơ quan, đơn vị xã - phường tổ chức thu	100				100
14	Thu phí xăng dầu.	100	49	51		
15	Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	100		100		
16	Lệ phí trước bạ:					
a	Nhà, đất (theo địa bàn xã, phường)	100				100
b	Xe và tài sản khác của các đơn vị, cá nhân thuộc địa bàn thành phố	100			100	
c	Nhà, xưởng (theo đơn vị doanh nghiệp đăng ký nộp lệ phí trước bạ)	100			100	
17	Thu sự nghiệp:					
a	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý	100	100			
b	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
c	Các đơn vị do cơ quan thành phố quản lý	100			100	
d	Các đơn vị do xã, phường quản lý	100				100
18	Các khoản phạt, tịch thu (trừ các khoản phạt, tịch thu trong lĩnh vực thuế và các khoản phạt tịch thu được pháp luật quy định riêng về tỷ lệ điều tiết):					
a	Do cơ quan, đơn vị trung ương quyết định.	100	100			
b	Do cơ quan, đơn vị tỉnh quyết định.	100		100		
c	Do cơ quan, đơn vị thành phố quyết định.	100			100	
d	Do xã, phường quyết định.	100				100
19	Các khoản phạt, tịch thu trong lĩnh vực thuế:					
a	Các khoản phạt, tịch thu do ngành Thuế thực hiện:					

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	TP	Xã
-	<i>Đo cơ quan Thuế của tỉnh quyết định.</i>	100		100		
-	<i>Do bộ quan Thuế của thành phố quyết định.</i>	100			100	
b	Các khoản phạt, lện thu do ngành Hải quan quyết định.	100		100		
20	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (kể cả xí nghiệp có vốn ĐTNN).					
a	Tiền thuê mặt đất, mặt nước của DN Nhà nước (trung ương + địa phương), DN có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
b	Tiền thuê mặt đất, mặt nước của DN ngoài quốc doanh, hộ tư nhân	100			100	
21	Thuế chuyển quyền sử dụng đất (theo địa bàn xã, phường).	100			100	
22	Thu tiền sử dụng đất	100		80	20	
-	<i>Riêng tiền dụng đất thuộc các dự án do Công ty kinh doanh nhà Đồng Nai thực hiện trên địa bàn thành phố.</i>	100		100		
23	Thu từ quỹ đất công ích và đất công:	100			100	
a	Thu tiền đền bù đất công theo NĐ 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ:	100			100	
b	Thu hoa lợi công sản và khác (theo địa bàn xã, phường).	100				100
24	Thu tiền nhà thuộc SHNN, tiền bán nhà thuộc SHNN, thu chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc bán tài sản Nhà nước và các khoản thu khác của ngân sách theo quy định của pháp luật:					
a	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý.	100	100			
b	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý.	100		100		
c	Các đơn vị do cơ quan thành phố quản lý.	100			100	
d	Các đơn vị do xã, phường quản lý.	100				100
25	Thu huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu được cơ quan thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng)					
a.	Trung ương tổ chức thu nộp.	100	100			
b	Tỉnh tổ chức thu nộp.	100		100		
c	Thành phố tổ chức thu nộp.	100			100	
d	Xã, phường tổ chức thu nộp.	100				100
26	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.	100		100		
27	Thu chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm trước sang năm sau để chi, thu kết dư ngân sách năm trước:					
a	Ngân sách tỉnh.	100		100		
b	Ngân sách thành phố.	100			100	
c	Ngân sách xã.	100				100
28	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:					
a	Trung ương bổ sung ngân sách tỉnh.	100		100		
b	Tỉnh bổ sung ngân sách thành phố.	100			100	
c	Thành phố bổ sung ngân sách xã, phường.	100				100
29	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên:					
a	Nộp lên ngân sách trung ương.	100	100			
b	Nộp lên ngân sách tỉnh.	100		100		
c	Nộp lên ngân sách thành phố.	100			100	



**PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH NĂM 2011 VÀ
KHOẢN THU 2011 - 2015 CHO CÁC HUYỆN VÀ THỊ XÃ LONG KHÁNH**

(Kèm theo Quyết định số 10 /2011/QĐ-UBND ngày 29 /01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	H, TX	Xã
1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu.	100	100			
2	Thuế xuất - nhập khẩu và thu chênh lệch giá hàng xuất - nhập khẩu.	100	100			
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.	100	100			
4	Thuế giá trị gia tăng (trừ thu từ hàng nhập khẩu và thu từ XSKT), thuế TNDN (trừ thu từ các đơn vị HTTN và thu từ XSKT), thuế chuyển thu nhập, thu sử dụng vốn ngân sách (nếu có)					
	- Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100	49	51		
	- Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (Do Cục thuế quản lý thu):	100	49	51		
	- Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (Do Chi Cục thuế quản lý thu):	100	49		51	
+	Riêng các đơn vị xã, phường quản lý thu nộp qua uỷ nhiệm thu:					
	. Các phường Xuân An, Xuân Trung, Xuân Bình của thị xã Long Khánh	100	49		26	25
	. Các phường, xã còn lại của các huyện, thị xã Long Khánh	100	49			51
5	Thuế TTĐB thu từ dịch vụ, hàng hoá sx trong nước (trừ thu từ XSKT)					
	- Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100	49	51		
	- Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (Do Cục thuế quản lý thu):	100	49	51		
	- Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (Do Chi Cục thuế quản lý thu):	100	49		51	
+	Riêng các đơn vị xã, phường quản lý thu nộp qua uỷ nhiệm thu:					
	. Các phường Xuân An, Xuân Trung, Xuân Bình của thị xã Long Khánh	100	49		26	25
	. Các phường, xã còn lại của các huyện, thị xã Long Khánh	100	49			51
6	Thuế thu nhập cá nhân:	100	49	51		
7	Tiền thu hồi vốn, thu nhập từ vốn góp của ngân sách:					
	- Thu từ vốn góp của ngân sách trung ương.	100	100			
	- Thu từ vốn góp của ngân sách địa phương.	100		100		
8	Thu hoàn vốn, thanh lý tài sản, thu khác của doanh nghiệp nhà nước:					
	- Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	100	100			
	- Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	100		100		

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	H, TX	Xã
9	Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (trừ thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân cho Công ty Xổ số kiến thiết thu nộp)	100		100		
10	Thuế tài nguyên:					
-	Tỉnh tổ chức thu.	100		100		
-	Huyện, thị xã Long Khánh tổ chức thu (theo địa bàn xã, phường).	100				100
11	Thuế môn bài:					
-	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100			100	
-	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (Do Cục thuế quản lý thu):	100			100	
-	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh (theo phường xã)	100				100
12	Thuế nhà, đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp:					
-	Thu từ các DNNN, đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước, đơn vị kinh tế có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế liên doanh có vốn ĐTNN, đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài và các nhà thầu, nhà thầu phụ.	100		100		
-	Thu từ các đơn vị kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh.	100			100	
-	Thu từ khu vực dân cư thuộc các xã phường trên địa bàn huyện, thị xã.	100				100
13	Thu phí, lệ phí (trừ phí xăng dầu, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, lệ phí trước bạ)					
-	Do cơ quan, đơn vị trung ương tổ chức thu	100	100			
-	Do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh tổ chức thu	100			100	
-	Do cơ quan, đơn vị xã - phường tổ chức thu	100				100
14	Thu phí xăng dầu.	100	49	51		
15	Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	100		100		
16	Lệ phí trước bạ:					
-	Nhà, đất (trong dân cư theo địa bàn xã, phường, thị trấn)	100				100
-	Xe và tài sản khác của các đơn vị, cá nhân thuộc địa bàn huyện, TX Long Khánh	100			100	
-	Nhà, xưởng (theo đơn vị doanh nghiệp đăng ký nộp lệ phí trước bạ)	100			100	
17	Thu sự nghiệp:					
-	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý	100	100			
-	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
-	Các đơn vị do cơ quan huyện, thị xã Long Khánh quản lý	100			100	
-	Các đơn vị do xã, phường quản lý	100				100
18	Các khoản phạt, tịch thu (trừ các khoản phạt, tịch thu trong lĩnh vực thuế và các khoản phạt tịch thu được pháp luật quy định riêng về tỷ lệ điều tiết):					
-	Do cơ quan, đơn vị trung ương quyết định.	100	100			
-	Do cơ quan, đơn vị tỉnh quyết định.	100		100		
-	Do cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh quyết định.	100			100	
-	Do xã, phường quyết định.	100				100

S T T	NỘI DUNG KHOẢN THU	Thu NSNN (%)	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
			TW	Tỉnh	H, TX	Xã
19	Các khoản phạt, tịch thu trong lĩnh vực thuế:					
	- Các khoản phạt, tịch thu do ngành Thuế thực hiện:					
	+ Do cơ quan Thuế cấp tỉnh quyết định.	100		100		
	+ Do cơ quan Thuế của huyện, thị xã Long Khánh quyết định.	100			100	
	- Các khoản phạt, tịch thu do ngành Hải quan quyết định.	100		100		
20	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (kể cả xí nghiệp có vốn ĐTNN).					
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước của DN Nhà nước (trung ương + địa phương), DN có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước của DN ngoài quốc doanh, hộ tư nhân	100			100	
21	Thuế chuyển quyền sử dụng đất (theo địa bàn xã, phường).	100				100
22	Thu tiền sử dụng đất	100		80	20	
	+ Riêng tiền sử dụng đất thuộc các dự án do Công ty kinh doanh nhà Đồng Nai thực hiện trên địa bàn huyện, thị xã Long Khánh.	100		100		
23	Thu từ quỹ đất công ích và đất công:	100			100	
	- Thu tiền đền bù đất công theo ND 22/1998/ND-CP của Chính phủ.	100			100	
	- Thu hoa lợi công sản và khác (theo địa bàn xã, phường).	100				100
24	Thu tiền nhà thuộc SHNN, tiền bán nhà thuộc SHNN, thu chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc bán tài sản Nhà nước và các khoản thu khác của ngân sách theo quy định của pháp luật:					
	- Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý.	100	100			
	- Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý.	100		100		
	- Các đơn vị do cơ quan huyện, thị xã Long Khánh quản lý.	100			100	
	- Các đơn vị do xã, phường quản lý.	100				100
25	Thu huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu được cơ quan thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng)					
	- Trung ương tổ chức thu nộp.	100	100			
	- Tỉnh tổ chức thu nộp.	100		100		
	- Huyện, thị xã Long Khánh tổ chức thu nộp.	100			100	
	- Xã, phường tổ chức thu nộp.	100				100
26	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.	100		100		
27	Thu chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm trước sang năm sau để chi, thu kết dư ngân sách năm trước:					
	- Ngân sách tỉnh.	100		100		
	- Ngân sách huyện, thị xã Long Khánh.	100			100	
	- Ngân sách xã.	100				100
28	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:					
	- Trung ương bổ sung ngân sách tỉnh.	100		100		
	- Tỉnh bổ sung ngân sách huyện, thị xã Long Khánh.	100			100	
	- Huyện, thị xã Long Khánh bổ sung ngân sách xã, phường.	100				100
29	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên:					
	- Nộp lên ngân sách trung ương.	100	100			
	- Nộp lên ngân sách tỉnh.	100		100		
	- Nộp lên ngân sách huyện, thị xã Long Khánh.	100			100	